

KẾT QUẢ ĐO CHỈ SỐ TRÍ TUỆ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP QUA TRẮC NGHIỆM J.C RAVEN

Measuring Intelligence Students' Quotient in Hanoi University Agriculture
through J.C Raven Test

Đặng Thị Vân

Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

TÓM TẮT

Chỉ số trí tuệ của sinh viên giúp các nhà giáo dục lựa chọn nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hình thành những phẩm chất trí tuệ cần thiết cho sinh viên. Chỉ số trí tuệ (IQ) được đo trên 186 sinh viên khóa 51 trường Đại học Nông nghiệp bằng phương pháp trắc nghiệm khuôn hình tiếp diễn chuẩn của J.C.Raven. Kết quả đã cho thấy phần lớn sinh viên có chỉ số trí tuệ ở mức cao và trên trung bình. 1/5 số sinh viên có chỉ số trí tuệ ở mức trung bình và ở mức dưới trung bình chiếm tỷ lệ không đáng kể. Từ đó, các kết luận được đưa ra: i) Sinh viên khóa 51 có tiềm năng trí tuệ được bộc lộ qua các phẩm chất như khả năng phân tích, óc quan sát, năng lực hệ thống hóa, năng lực tư duy logic,... nhưng họ chưa phát huy trong hoạt động học tập, ii) Không phải người học có chỉ số trí tuệ cao là kết quả học tập tốt, iii) Muốn kết quả học tập tốt người học không thể có chỉ số trí tuệ thấp. Do vậy, cần thiết áp dụng các biện pháp sư phạm trong dạy và học nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ của sinh viên.

Từ khóa: Sinh viên năm thứ nhất, chỉ số trí tuệ.

SUMMARY

The intelligence quotient (IQ) was measured in 186 freshmen students in Hanoi University of Agriculture through J. C. Raven's test. It was found that that most of the students possess IQ at above average level, only about 1/5 of students has IQ at average level and very few has IQ under average level. Based on these results the following preliminary remarks can be made: i) Freshmen students possess potential intelligence expressing analytic, observing, systematic and logical capacity; ii) It is not true, however, that students with high IQ have good academic performance; and iii) to obtain good academic records students should have high IQ. It is necessary to apply suitable pedagogic methods to bring students' IQ potential into full play.

Key words: Freshmen students, intelligence quotient.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tác giả Trần Kiều (2005) đã khẳng định trong thời đại kinh tế tri thức, con người trí tuệ cũng là con người tri thức. Trong thời đại thông tin, thời đại kinh tế tri thức vừa có ý nghĩa lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn rất lớn, góp phần xây dựng các luận chứng cho chiến lược và chính sách phát triển trí tuệ người Việt Nam. Các trắc nghiệm trí tuệ sẽ cung cấp những thông tin có giá trị về các cá nhân. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các nhà giáo dục trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học sao cho phù hợp, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, hình thành những phẩm chất trí tuệ cần thiết của sinh viên nói riêng như

năng lực nhận thức, năng lực nhận cảm, năng lực điều khiển cảm xúc, năng lực sáng tạo, năng lực tư duy logic,...

Từ năm 1996 đến nay đã một số công trình nghiên cứu đề cập đến vấn đề đo chỉ số IQ của học sinh, sinh viên. Tác giả Trần Trọng Thủy (1998) đã nghiên cứu trình độ phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học và học sinh trung học. Gần đây, tác giả Trần Kiều và cộng sự đã nghiên cứu phát triển trí tuệ (chỉ số IQ, EQ, CQ) của học sinh, sinh viên và lao động trẻ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục thực hiện đề tài cấp nhà nước mã số KX-05-06). Tuy nhiên, đối tượng học sinh sinh viên rất đa dạng. Hơn thế nữa các nghiên cứu mới chỉ dừng lại đo chỉ số IQ qua một số trắc nghiệm mà chưa

kết hợp tìm hiểu các yếu tố có liên quan, chi phối năng lực trí tuệ cá nhân trong học tập, lao động. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm xác định IQ của sinh viên trường ĐHNN Hà Nội qua trắc nghiệm khuôn hình tiếp diễn chuẩn của J.C. Raven, đồng thời tìm hiểu một số các thông tin cá nhân có liên quan đến IQ, từ đó đề xuất các biện pháp tác động sư phạm nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ trong học tập của sinh viên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp được sử dụng chính trong nghiên cứu này là điều tra bằng trắc nghiệm. 186 sinh viên (trong đó, 50 sinh viên lớp Khoa học Cây trồng (KHCT) D, 43 sinh viên lớp Nuôi trồng thủy sản (NTTS), 51 sinh viên lớp Kỹ thuật (KT) Điện, 42 sinh viên lớp Kỹ thuật Cơ khí (KTCK) B) được đo chỉ số IQ thông qua trắc nghiệm khuôn hình tiếp diễn chuẩn của J.C. Raven. (Ngô Công Hoàn, 2004).

Cách tiến hành trắc nghiệm: Trắc nghiệm trí tuệ của J.C. Raven là trắc nghiệm khuôn hình. Tương ứng với mỗi bài tập là một hình mẫu có một mẫu bị cắt và có 6 mẫu cho sẵn được đánh số từ 1 đến 6 để nghiệm thể lựa chọn. Nghiệm thể chọn mẫu nào thì ghi số lựa chọn với mẫu đó vào phần mẫu bị cắt trong hình mẫu.

Căn cứ vào kết quả thực đo (điểm thô) của các nghiệm thể sau đó so với bảng quy chuẩn đánh giá mức độ về IQ của trắc nghiệm, từ đó phân loại trí tuệ cho từng sinh viên và so sánh giữa các lớp trong diện nghiên cứu.

* Cách đánh giá kết quả trắc nghiệm

Cách cho điểm: Mỗi bài tập nghiệm thể làm đúng sẽ được 1 điểm.

Căn cứ kết quả thực đo qua điểm thô mà nghiệm thể đạt được so sánh với bảng quy chuẩn (tính theo % số người cùng độ tuổi), từ đó đánh giá mức độ về chỉ số trí tuệ của nghiệm thể dựa vào mức độ quy định của trắc nghiệm như sau:

Số 1- Trí tuệ cao: Để đạt được mức độ trí tuệ này nghiệm thể (cá nhân được đo) phải có điểm tổng nằm trong khoảng 95% và trên 95% số người cùng tuổi họ.

Số 2- Trí tuệ trên trung bình: ở mức độ này, nghiệm thể phải có điểm tổng nằm trong khoảng 75% đến hơn 75% số người cùng tuổi họ.

Số 3- Trí tuệ trung bình: Nghiệm thể có điểm tổng nằm giữa khoảng 25% đến 75% số người cùng tuổi họ.

3⁺, nếu điểm tổng của nghiệm thể nằm ở giới hạn trên 50% số người cùng tuổi họ.

3⁻, nếu điểm tổng của nghiệm thể nhỏ hơn 50% số người cùng tuổi họ.

Số 4- Trí tuệ dưới trung bình: Nghiệm thể có điểm tổng dưới 25% số người cùng tuổi họ.

4⁻, nếu điểm tổng của nghiệm thể nằm ở khoảng 10% và dưới 10%.

Số 5- Thiếu năng trí tuệ: ở mức độ này nghiệm thể có điểm tổng nằm trong giới hạn 5% và dưới 5% cùng nhóm tuổi.

Ngoài phương pháp trắc nghiệm, phương pháp điều tra bằng phiếu, phỏng vấn trực tiếp cũng được sử dụng trong phạm vi nghiên cứu này. Kết quả được xử lý theo phương pháp toán thống kê.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu

Tiềm năng trí tuệ của cá nhân có được bộc lộ và phát huy trong hoạt động thực tiễn hay không do nhiều yếu tố chi phối vì thế một số thông tin cá nhân liên quan đến nghiệm thể như giới tính, nơi sinh sống, kết quả học tập, được đề cập đến trong phạm vi nghiên cứu này.

Sinh viên của trường phần lớn sống ở nông thôn và xuất thân từ các gia đình nông dân (Bảng 1) với tỷ lệ 90,9% sinh viên sống ở vùng nông thôn và 9,1% sinh viên sống ở thành thị. Trong đó, số sinh viên nam nhiều hơn sinh viên nữ, kết quả thống kê qua phiếu thông tin cá nhân về giới tính thu được 68,3% sinh viên nam và 31,7% sinh viên nữ. Một số thông tin cá nhân khác như nghề nghiệp của cha mẹ, kết quả học tập lớp 12, kết quả học tập ở đại học của học kỳ gần nhất (so với thời điểm tiến hành trắc nghiệm) cũng được đề cập đến để minh họa phần nào cho kết quả đo chỉ số trí tuệ của sinh viên. Kết quả được trình bày qua bảng số 1, 2, 3.

Bảng 1. Nghề nghiệp của cha mẹ sinh viên

Lớp	Nghề nghiệp của Bố			Nghề nghiệp của Mẹ		
	Cán bộ viên chức (%)	Công nhân (%)	Làm ruộng (%)	Cán bộ viên chức (%)	Công nhân (%)	Làm ruộng (%)
KHCT D (50)	26	2	60	24	0	74
KT Điện (51)	15,7	21,6	56,9	17,6	9,8	66,7
NTTS (43)	16,3	20,9	51,2	18,6	4,7	58,1
KTCK B (42)	19	9,5	71,4	14,3	2,4	69,1
Tổng (186)	19,4	13,4	59,7	18,8	4,3	67,2

Các sinh viên xuất thân từ các gia đình công nhân hay cán bộ viên chức cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể. Một số nghề khác của cha mẹ sinh viên như: gia đình buôn bán nhỏ hay bố là bộ đội mất sức về phục viên, mẹ làm nội trợ nhưng tỷ lệ % không đáng kể (Bảng 1).

Qua số liệu bảng 1 về nghề nghiệp của cha mẹ sinh viên cũng như các số liệu thống kê khác như về giới tính, nơi sinh sống... đã cho thấy các yếu tố đó không có ảnh hưởng rõ rệt đến sự phát triển trí tuệ của sinh viên điều này được minh chứng qua kết quả đo IQ của họ.

Bảng 2. Kết quả học tập lớp 12 của sinh viên

Lớp	Xếp loại học lực lớp 12							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	n	%	n	%	n	%	n	%
KHCT D (50)	5	10	38	76	7	14	0	0
KT Điện (51)	2	3,9	40	78,4	9	17,6	0	0
NTTS (43)	5	11,6	33	76,7	5	11,6	0	0
KTCK B (42)	3	7,1	31	73,8	8	19,1	0	0
Tổng (186)	15	8,1	142	76,3	29	15,6	0	0

Kết quả học tập của sinh viên khi học ở trung học phổ thông (THPT), cụ thể ở lớp 12, của sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội chủ yếu ở mức khá (76,3%), mức học sinh giỏi chỉ chiếm 8,1% (Bảng 2). Phần lớn các sinh viên học ở lớp thường ở cấp THPT. Cụ thể là: 3,2% sinh viên học lớp chuyên, 34,4% sinh viên học lớp chọn và 62,4% sinh viên học lớp thường (Kết quả điều tra). Thực tế cho thấy sinh viên được đào tạo ở các khối trường chuyên, lớp chọn cũng có tác động đáng kể đến phương pháp học, phương pháp tư duy, kết quả học tập nói chung cũng như tác động đến quá trình hình thành các phẩm

chất trí tuệ của các em như năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, năng lực nhận cảm, năng lực tư duy logic, năng lực hệ thống hóa,... Tuy nhiên sự phát triển trí tuệ của cá nhân không bất biến, mặc dù phần lớn sinh viên nông nghiệp học dưới hình thức lớp thường ở cấp phổ thông nhưng với tính chất sinh viên thuộc ngành kỹ thuật sinh viên nông nghiệp vẫn có nhiều cơ hội để phát triển tiềm năng trí tuệ của mình qua học quá trình học tập. Song điều quan trọng phương pháp giảng dạy của giảng viên ra sao, cách thức học tập và tiếp cận kiến thức của sinh viên có phù hợp không mà thôi.

Bảng 3. Kết quả học tập học kỳ I ở đại học của sinh viên

Lớp	Xếp loại học lực theo điểm TB cộng									
	Giỏi		Khá		Trên trung bình		Trung bình		Dưới trung bình	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
KHCT D	0	0	9	18	9	18	30	60	2	4
KT Điện	0	0	3	5,9	8	15,7	24	47,1	16	31,4
NTTS	0	0	4	9,3	4	9,3	27	62,8	8	18,6
KTCK B	0	0	0	0	0	0	18	42,9	24	57,1
Tổng	0	0	16	8,6	21	11,3	99	53,2	50	26,9

Số liệu bảng 3 cho thấy, hơn nửa số sinh viên đạt học lực trung bình, gần 1/3 xếp loại học lực dưới trung bình. Tỷ lệ sinh

viên có học lực trên trung bình và loại khá không đáng kể, không có sinh viên nào trong diện điều tra xếp loại giỏi.

Kết quả ở bảng 3 có phải chỉ ở mức thấp hay mức trung bình? Qua trao đổi trực tiếp với một số sinh viên trong diện điều tra về một số yếu tố chi phối kết quả học tập của họ, đại diện sinh viên của lớp KTCK B cho biết: *"Các môn học không quá khó nhưng một phần chúng em chưa có phương pháp học, song lý do cơ bản theo em là vì chúng em lười học"*. Ý kiến khác của một SV lớp NTTS: *"KQ học tập thấp do em chưa biết cách học, mà kiến thức học và thi rất rộng chứ không phải do bản thân em dốt"*.

Cuộc trao đổi với SV cho thấy, phần lớn họ khẳng định kết quả học tập thấp là do chưa có phương pháp học hợp lý hay ý thức, tinh thần học tập của họ chưa chủ động, tích cực. Chúng tôi cho rằng, đây có thể là một số lý do cơ bản kìm hãm sự phát triển các phẩm chất trí tuệ của sinh viên trong học tập, dẫn đến kết quả học tập của họ chưa cao.

3.2. Kết quả đo chỉ số IQ của sinh viên

Kết quả thực đo cho thấy phần lớn sinh viên khóa 51 có chỉ số IQ ở mức cao và trên trung bình (khá). Gần 1/5 số sinh viên có chỉ số IQ ở mức trung bình và số sinh viên có chỉ số IQ ở mức dưới trung bình chiếm tỷ lệ % không đáng kể (Bảng 4).

Qua chỉ số IQ đo được chứng tỏ sinh viên khóa 51 có tiềm năng trí tuệ. Kết quả này có thể do sinh viên trực thuộc khối ngành kỹ thuật và đây là một trong những trắc nghiệm thiên về hình vẽ mang tính chất cấu trúc logic nên mang lại lợi thế cho người làm trắc nghiệm. Tuy nhiên, phần lớn sinh viên mới chỉ làm tốt và đạt điểm tuyệt đối ở các bài tập trong loạt A về tính liên tục, trọn vẹn của cấu trúc hay loạt C về tính tiếp diễn, logic của sự biến đổi cấu trúc. Kết quả này cho thấy sinh viên khóa 51 có các phẩm chất trí tuệ như năng lực tư duy logic hay năng lực hệ thống hóa. Còn với loạt E thể hiện khả năng phân tích cấu trúc các bộ phận phần lớn sinh viên không đạt điểm tối đa chứng tỏ sinh viên chưa có năng lực vạch ra những mối liên hệ tồn tại giữa các sự vật và hiện tượng ở mức độ cao, trong khi đó đây là một biểu hiện cơ bản của tiềm năng trí tuệ cá nhân. Có sự chênh lệch về mức độ trí tuệ giữa các lớp trong diện điều tra cũng như có mối quan hệ với kết quả học tập của sinh viên, chỉ số trí tuệ và kết quả học tập có mối liên quan ở mức trung bình và không đồng đều giữa các sinh viên của Nhà trường (Bảng 5).

Bảng 4. Phân loại mức độ chỉ số IQ của sinh viên

Lớp	Mức độ									
	Cao		Trên trung bình		Trung bình				Dưới trung bình	
					Trung bình (3')		Trung bình (3)			
n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
KHCT D	22	44	21	42	4	8	1	2	2	4
KT Điện	21	41,2	20	39,2	6	11,8	3	5,9	1	2
NTTS	15	34,9	19	44,2	6	14	3	7	0	0
KTCK B	13	31	20	47,6	6	14,3	3	7,1	0	0
Tổng	71	38,2	80	43,1	22	11,8	10	5,4	3	1,6

Bảng 5. Kết quả về mức độ IQ và xếp loại học lực học kỳ I theo điểm trung bình học tập

Mức độ IQ	Xếp loại học lực									
	Giỏi		Khá		Trên trung bình		Trung bình		Dưới trung bình	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Cao	0	0	8	11,3	9	12,7	40	56,3	14	19,7
Trên trung bình	0	0	7	8,8	10	12,5	39	48,8	24	30
Trung bình (TB)	0	0	1	3,1	2	6,3	19	59,4	10	31,1
Dưới trung bình	0	0	0	0	0	0	1	33,3	2	66,7

Ghi chú: Hệ số tương quan giữa kết quả học tập và IQ, $r = 0,491$.

Một sinh viên lớp KT Điện tâm sự:
 Kết quả học kỳ vừa rồi của em rất thấp (hơn 4 điểm) nhưng điều đó không có nghĩa điểm trắc nghiệm này của em không cao, em nghĩ mình có chỉ số thông minh không xuất sắc thì cũng khá cao, còn kết quả học tập của sinh viên theo em có nhiều yếu tố chi phối, còn với em có lẽ do em mãi chơi, chưa đầu tư thời gian phù hợp, hơn nữa em chưa có động cơ học tập rõ ràng để phấn đấu thôi". Kết quả đo chỉ số IQ của sinh viên này được kiểm tra lại đã cho thấy anh ta đạt điểm gần tuyệt đối (59/60) tương ứng với chỉ số IQ ở mức cao. Đây là một nam sinh viên học lớp chọn ở phổ thông có học lực lớp 12 xếp loại khá, nguyện vọng thi vào trường khác nhưng thiếu điểm nên đăng ký nguyện vọng 2 Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Qua quan sát sự phạm cho thấy sinh viên này có thái độ học tập chệnh mảng, hay nói chuyện trong giờ học, ít tham gia thảo luận với nhóm, không tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học. Kết quả quan sát hoàn toàn phù hợp với ý kiến của sinh viên này khi được phỏng vấn trực tiếp.

Một sinh viên lớp KHCT D cho biết
 Có lẽ bài trắc nghiệm của em điểm thấp vì trí tuệ của em có hạn, em thấy hình nào cũng có vẻ hợp lý nên khó khăn khi lựa chọn, nhất là ở những bài tập trong loạt D, E". Khi được hỏi liệu trí tuệ cao hay thấp có ảnh hưởng gì đến kết quả học tập của em không? Sinh viên trả lời ngay: "Thưa cô tất nhiên là có, em biết mình không phải là người thông minh, hoạt bát nên kỳ vừa rồi điểm trung bình học tập của em chỉ đạt ở mức dưới trung bình". Kết quả đo chỉ số IQ của sinh viên này đạt số điểm 41/60 tương ứng IQ ở mức trung bình. Đây là một nữ sinh viên rụt rè, ít nói, sợ đứng trước đám đông, chịu khó tham gia thảo luận với nhóm khi được giao nội dung thảo luận học tập nhưng không bao giờ trình bày trước lớp.

Qua kết quả đo chỉ số IQ của sinh viên trường ĐHNN Hà Nội qua trắc nghiệm

khôn hình tiếp diễn chuẩn của JC.Raven, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

1) Không phải người học có chỉ số IQ cao là kết quả học tập tốt (điều này được minh chứng qua thống kê về kết quả học tập ở cấp phổ thông (chủ yếu lớp 12) và học kỳ gần nhất ở đại học của sinh viên trong diện điều tra.

2) Muốn kết quả học tập tốt người học không thể có IQ thấp bởi chất lượng của chỉ số IQ được bộc lộ trong hoạt động thực tiễn qua một số phẩm chất cơ bản như năng lực nhận thức, khả năng nhận cảm, óc phân tích, năng lực hệ thống hóa, năng lực phân tích mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng,...

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1. Kết luận

Phần lớn sinh viên khóa 51 của Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội có chỉ số IQ ở mức cao và trên trung bình (khá). Gần 1/5 số sinh viên có chỉ số IQ ở mức trung bình và số sinh viên có chỉ số IQ ở mức dưới trung bình chiếm tỷ lệ không đáng kể. Bước đầu kết luận sinh viên khóa 51 có tiềm năng trí tuệ như năng lực tư duy logic, khả năng quan sát nhạy bén, óc phân tích và năng lực hệ thống hóa song chưa đồng đều và toàn diện.

So sánh kết quả đo IQ của 4 lớp thi lớp KHCT D số sinh viên có IQ cao và trên trung bình chiếm tỷ lệ cao hơn cả và lớp KTCK B số sinh viên đạt ở 2 mức trí tuệ này ít nhất tuy nhiên tỷ lệ này chênh lệch không lớn. Qua thực tế giảng dạy với phương pháp quan sát sự phạm cho thấy tinh thần thái độ cũng như ý thức học tập của sinh viên lớp KT Điện và KTCK B chưa tích cực, nhiều sinh viên trong giờ học còn thụ động hay học một cách đối phó trong khi đó phần lớn sinh viên của lớp KHCT D và NTTS lại có tinh thần, thái độ học tập tốt. Điều đó chứng tỏ kết quả học tập không lệ thuộc hoàn toàn vào trí tuệ của người học mà còn ảnh hưởng từ nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác.

Kết quả đo chỉ số IQ có mối liên quan không rõ ràng với kết quả xếp loại học lực của sinh viên, cụ thể phần lớn sinh viên có chỉ số IQ ở mức cao và trên trung bình nhưng kết quả học lực phần lớn chỉ đạt ở mức trung bình và dưới trung bình. Điều này cho thấy sinh viên chưa phát huy tối đa các năng lực tư duy của bản thân thông qua hoạt động học tập của mình. Chúng tôi thiết nghĩ cần có những biện pháp tác động sư phạm nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ cho sinh viên nói chung, các năng lực tư duy của họ nói riêng có như vậy mới góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của nhà trường.

Đối với sinh viên nông nghiệp nói chung, sinh viên các ngành như kỹ thuật điện, kỹ thuật cơ khí, công nghệ sinh học, thú y, khoa học cây trồng... rất cần rèn luyện và phát huy các phẩm chất trí tuệ trong học tập và rèn nghề như năng lực tư duy logic, năng lực tư duy phân tích, năng lực hệ thống hóa,... Nếu sinh viên có những phẩm chất này sẽ góp phần không nhỏ đối với việc nâng cao kết quả học tập của mình trong hiện tại cũng như hình thành năng lực nghề nghiệp sau này.

4.2. Một số đề xuất

* *Đối với giảng viên:* áp dụng thường xuyên những phương pháp dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy lý thuyết hay hướng dẫn thực hành như dạy học bằng tình huống, nêu chủ đề, gợi mở những vấn đề phát sinh, yêu cầu sinh viên chủ động suy nghĩ, tìm giải pháp giải quyết vấn đề, nêu câu hỏi thách thức,... có như vậy sinh viên mới có cơ hội trải nghiệm năng lực nhận thức, tư duy giải quyết vấn đề, sự nhanh nhạy trong hành động... của bản thân. Học tập theo nhóm nhỏ cũng là phương pháp kích lệ tính chủ động, tự giác trong học tập của sinh viên mà người dạy cũng nên kết hợp trong giảng dạy để tạo ra môi trường tích cực cho sinh viên phát huy tính độc lập suy

nghĩ, khả năng diễn thuyết và giải quyết vấn đề,...

* *Đối với sinh viên:* Tham gia một cách chủ động, tích cực trong những giờ trên lớp cũng như tự học, tự nghiên cứu ở nhà (trao đổi với giảng viên, sinh viên khác về ý kiến riêng của mình hay những vấn đề mà bản thân chưa rõ, chưa hiểu; tham luận ý kiến của mình về vấn đề giảng viên trình bày hay câu hỏi của sinh viên khác,...). Bên cạnh đó mỗi sinh viên cần xác định động cơ học tập tích cực cho bản thân và định hướng tốt cho nghề nghiệp sau khi ra trường, tránh thái độ “đứng núi này trông núi nọ” khi lựa chọn nghề tương lai. Hơn nữa tự mình giải quyết các vấn đề học tập, tránh thái độ trông chờ vào thầy cô hay bạn bè là một trong những yêu cầu cần phải có đối với sinh viên trong thời đại ngày nay mới có thể đáp ứng được những đòi hỏi mới trong học tập cũng như trong công tác nghề nghiệp mai sau.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Công Hoàn (2004). *Những trải nghiệm tâm lý* (Tập 1- Những trải nghiệm về trí tuệ). Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, tr.169,170.
- Trần Kiều và các cộng sự (2005). *Nghiên cứu sự phát triển trí tuệ (chỉ số IQ, EQ, CQ) của học sinh, sinh viên và lao động trẻ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài mã số KX -05 - 06. Viện Chiến lược và chương trình giáo dục, tr6.
- Trần Trọng Thủy (1998). *Trình độ phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học*. Báo cáo khoa học đề tài cấp bộ, Viện Khoa học Giáo dục.
- Trần Trọng Thủy (2000). *Trình độ phát triển trí tuệ của học sinh trung học hiện nay*. Báo cáo khoa học đề tài cấp bộ, Viện Khoa học Giáo dục.